

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thành lập các Chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 68/TTr-SNV ngày 14 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; chấp

hành sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực được phân công, phân cấp;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực được phân công;

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công;

đ) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công;

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

g) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương;

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo độ phì của đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất thuộc nhiệm vụ của Sở và quy định của pháp luật; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; hoạt động bảo vệ và kiểm dịch

thực vật; thực hiện cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

i) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch hại thực vật; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

k) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

l) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

n) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp.

2. Quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tài chính, tài sản được giao; thực hiện các chế độ, chính sách đối với công chức, người lao động; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác cải cách hành chính của Chi cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao theo quy định.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi cục trưởng và không quá 02 (hai) Phó Chi cục trưởng.

Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, số lượng Phó Chi cục trưởng có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng Phó Chi cục trưởng sau sắp xếp thực hiện đúng quy định.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

b) Phó Chi cục trưởng giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và

trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công; thay mặt Chi cục trưởng điều hành các hoạt động của Chi cục khi được ủy quyền.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của cấp có thẩm quyền.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Trồng trọt;
- Phòng Bảo vệ thực vật;

3. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chi cục:

- Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 1;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 2;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 3;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 4;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 5;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 6;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 7;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 8;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 9;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 10;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 11;
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực 12.

Các Trạm trên là tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng để thực hiện nhiệm vụ được giao và được bố trí trụ sở, trang thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

4. Biên chế

Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Chi cục thuộc trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, hàng năm Chi cục trưởng xây dựng kế hoạch biên chế công chức và số lượng người làm việc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Chi cục theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường, ban hành Quy chế làm việc của Chi cục và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện; quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc Chi cục.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quyết định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

3. Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai và Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- KBNN khu vực XV;
- P. NNMT;
- Lưu: VT, C6. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn